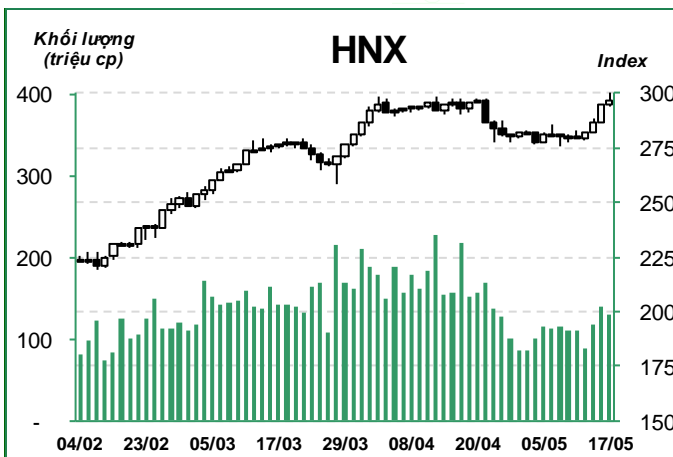
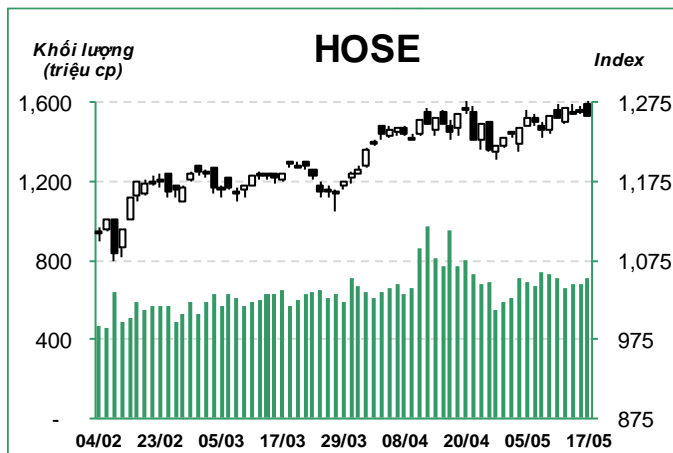


## Tổng quan thị trường

17/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,258.70</b>	<b>-0.60%</b>	<b>1,371.36</b>	<b>-0.63%</b>	<b>296.79</b>	<b>0.70%</b>
Cuối tuần trước	1,266.36	-0.60%	1,380.02	-0.63%	294.72	0.70%
Trung bình 20 ngày	1,247.76	0.88%	1,327.67	3.29%	284.28	4.40%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>758.29</b>	<b>3.74%</b>	<b>271.89</b>	<b>3.02%</b>	<b>195.86</b>	<b>21.49%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>705.84</b>	<b>3.95%</b>	<b>254.61</b>	<b>1.38%</b>	<b>128.83</b>	<b>-7.51%</b>
Trung bình 20 ngày	684.43	3.13%	247.01	3.08%	117.61	9.54%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>22,824.70</b>	<b>3.60%</b>	<b>13,162.63</b>	<b>2.10%</b>	<b>4,324.63</b>	<b>24.71%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>20,779.36</b>	<b>2.42%</b>	<b>12,415.63</b>	<b>0.94%</b>	<b>2,736.65</b>	<b>-6.20%</b>
Trung bình 20 ngày	18,824.80	10.38%	11,236.28	10.50%	2,283.63	19.84%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	141	31%	8	27%	65	18%
<b>Số mã giảm</b>	278	60%	22	73%	143	39%
<b>Số mã đứng giá</b>	41	9%	0	0%	160	43%



Thị trường có diễn biến khá sôi nổi trong những phút khởi đầu của tuần giao dịch mới. Tuy nhiên, đà tăng ngay sau đó dần bị thu hẹp và chỉ số đảo chiều giảm trở lại trong phiên chiều với áp lực bán ồ ạt của cả những nhà đầu tư trong nước cũng như cả nhà đầu tư nước ngoài. Nhìn chung, tín hiệu đảo chiều hôm nay cho thấy thị trường có thể sẽ quay trở lại nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Mặc dù vậy, xu hướng tăng điểm trong trung dài hạn vẫn đang được củng cố.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index giảm 7.66 điểm và đóng cửa gần như thấp nhất phiên tại mức 1,258.70 điểm (-0.60%). KLGD khớp lệnh đạt 705.8 triệu cổ phiếu (+4.0%), tương đương 20,779 tỷ đồng giá trị (+2.4%). Độ rộng thị trường nghiêng nhiều hơn về bên bán với 278 mã giảm/141 mã tăng.

Áp lực chốt lời trên diện rộng khiến không chỉ các cổ phiếu vốn hóa lớn mà nhóm vốn hóa vừa và nhỏ cũng đảo chiều giảm sâu ở nhiều mã. Trong đó, nhóm ngân hàng với Vietcombank-VCB (-0.9%), Techcombank-TCB (-1.6%), BIDV-BID (-1.3%) và nhóm thực phẩm đồ uống với bộ đôi Vinamilk-VNM (-2.6%), Masan-MSN (-3.6%) có ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số. Ở chiều ngược lại, mặc dù không còn giữ được giá sát trần như đầu phiên sáng, Vinhomes-VHM (+3.7%) vẫn dẫn đầu trong số các cổ phiếu tăng điểm sau khi công bố thông tin kế hoạch kinh doanh tăng trưởng ấn tượng. Bên cạnh đó, nhịp tăng của vài cổ phiếu khác như Novaland-NVL (+2.6%), SeABank-SSB (+4.0%), FPT-FPT (+1.1%) hay Gemadept-GMD (+5.0%) cũng góp phần giữ nhịp cho thị trường hôm nay.

Khối ngoại tiếp tục có phiên bán ròng với giá trị 1,251.8 tỷ đồng (-22.5%) trên sàn HoSE. Với những cổ phiếu bị bán ròng khá mạnh như VPBank-VPB (-292.6 tỷ), Vinamilk-VNM (-176.3 tỷ), Vingroup-VIC (-165.5 tỷ). Trong khi đó, FPT-FPT

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VIB	6,256.1	365.20
FPT	2,744.9	246.84
HPG	3,140.0	184.01
TPB	4,000.0	123.40
DBC	2,000.0	112.00
VCG	2,417.0	111.18
SBT	5,000.0	104.50
SAM	7,859.5	80.03
ACB	2,080.0	75.30
SJS	1,325.0	63.27
<b>HNX</b>		
SHB	55,000.0	1,419.00
LAF	11,858.8	166.02
VC3	73.0	1.50
AAV	80.0	1.20
NVB	13.2	0.26

(+217.7 tỷ) được khối ngoại gom mua nhiều nhất trong ngày mà cổ phiếu này hở "room".

Trên sàn HNX, chỉ số có diễn biến tích cực hơn khi vẫn giữ được sắc xanh xuyên suốt cả phiên giao dịch. HNX-Index chốt phiên tại mức 296.79 điểm (+0.70%). KLGD khớp lệnh đạt 128.8 triệu cổ phiếu (-7.5%), tương đương 2,736.6 tỷ đồng giá trị (-6.2%).

Mặc dù sắc đỏ cũng chiếm ưu thế với hàng loạt cổ phiếu giảm giá, chỉ số vẫn được kéo xanh nhờ bộ đôi cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên sàn là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.8%), Thaiholdings-THD (+0.5%). Ngoài ra, cổ phiếu Chứng khoán MB-MBS (+9.6%) cũng bất ngờ có động thái dư mua trần trong ngày giao dịch không hưởng quyền. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu trụ còn lại như PVS (-2.3%), PAN (-4.2%), VCS (-1.4%), IDC (-1.7%) giảm điểm gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại cũng bán ròng đáng kể trên sàn HNX với giá trị 39.4 tỷ đồng (-4.4%). Trong đó, Chứng khoán VNDIRECT-VND (-33.1 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-3.8 tỷ), Thaiholdings-THD (-2.1 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Vicostone-VCS (+0.6 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.5 tỷ), KLF Global-KLF (+0.4 tỷ)

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 phiên, hàm ý áp lực chốt lời có phần gia tăng. Không những vậy, chỉ số cắt xuống dưới MA5, cùng với nền giảm bao phủ các nền thân nhỏ trước đó, cho thấy áp lực điều chỉnh đang quay trở lại. Tuy nhiên, chỉ số vẫn đóng cửa trên MA20, cùng với +DI nằm trên -DI cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp rũ kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Vùng hỗ trợ mạnh cho nhịp rung lắc kỹ thuật hiện tại có thể quanh vùng 1,247 – 1,250 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với MA5 cắt lên MA20, cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn đang mạnh dần lên. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể hướng tới vùng kháng cự tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm 17/5 có thể chỉ nằm trong nhịp rũ kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính được bền vững hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VAF	11.6	11.2	6.9%
TPC	9.1	2.7	6.9%
TTB	7.0	459.4	6.9%
DXV	5.1	168.2	6.9%
GMC	30.2	10.0	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ABS	39.1	257.9	-6.9%
SC5	23.8	0.2	-6.9%
NHA	30.7	137.3	-6.8%
MCP	28.0	8.4	-6.8%
PXT	2.4	533.9	-6.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	65.8	2,410.9	-1.2%
HPG	61.9	2,275.4	0.8%
STB	26.0	1,044.2	-1.7%
TCB	47.9	849.6	-1.6%
CTG	46.8	797.8	-0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	26.0	39,942.1	-1.7%
ROS	7.6	37,225.8	0.1%
HPG	61.9	37,144.2	0.8%
VPB	65.8	36,498.4	-1.2%
FLC	12.3	34,554.3	0.4%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	5.5	1,987.6	10.0%
CAN	42.9	2.8	10.0%
ECI	24.2	0.1	10.0%
SAF	53.2	0.1	9.9%
THS	38.9	0.8	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
X20	9.0	0.3	-10.0%
TXM	6.4	102.2	-9.9%
DNC	51.3	0.8	-9.8%
PRC	13.8	0.1	-9.8%
VIE	8.3	0.2	-9.8%

#### Top 5 giá trị

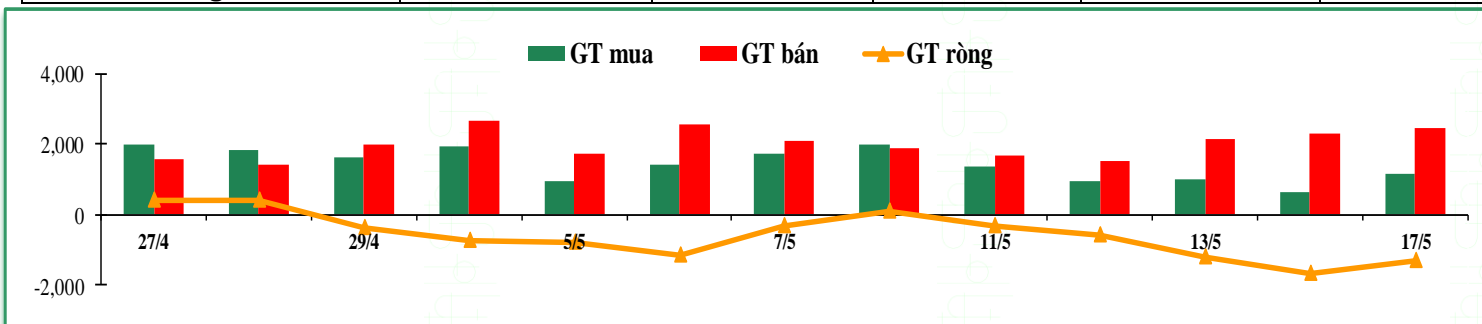
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.7	2,609.1	3.8%
SHS	30.2	252.0	0.3%
THD	194.5	223.9	0.5%
LAF	15.4	166.3	0.0%
VND	40.8	158.1	-0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.7	95,155.8	3.8%
LAF	15.4	11,874.1	0.0%
KLF	5.7	10,081.0	0.0%
SHS	30.2	8,295.5	0.3%
ART	10.2	6,690.8	-1.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,136.9	5.0%	2,388.7	10.5%	-1,251.8
HNX	6.6	0.2%	46.0	1.1%	-39.4
<b>Tổng số</b>	<b>1,143.5</b>		<b>2,434.7</b>		<b>-1,291.2</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	85.7	220.1	1.1%
VPB	65.8	102.8	-1.2%
SBT	19.6	99.4	-3.0%
VRE	30.7	83.9	0.2%
VHM	100.8	63.2	3.7%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	65.8	395.4	-1.2%
VNM	87.2	218.1	-2.6%
VIC	124.0	204.6	-1.0%
HPG	61.9	192.4	0.8%
CTG	46.8	122.2	-0.5%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	85.7	217.7	1.1%
GMD	37.5	21.4	5.0%
DHC	101.7	20.3	1.7%
VHM	100.8	16.6	3.7%
DGC	67.0	12.9	0.3%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.7	0.7	-1.4%
SHB	29.7	0.5	3.8%
IDV	69.9	0.5	-0.9%
IVS	9.6	0.5	1.1%
KLF	5.7	0.5	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	40.8	33.6	-0.5%
PAN	25.3	3.8	-4.2%
THD	194.5	2.1	0.5%
SHS	30.2	1.0	0.3%
CSC	44.2	0.9	7.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	89.7	0.6	-1.4%
IDV	69.9	0.5	-0.9%
KLF	5.7	0.4	0.0%
THT	8.7	0.3	1.2%
DP3	115.0	0.3	0.0%

## Tin trong nước

### **BSC: FTSE Vietnam có thể thêm HSG, VNM ETF thêm vào PDR trong kỳ cơ cấu quý II**

Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) vừa có dự báo về hoạt động cơ cấu danh mục quý II của quỹ FTSE Vietnam ETF và VNM ETF. Hiện quy mô 2 quỹ ngoại này đạt gần 950 triệu USD. VNM ETF có khả năng cao nhất thêm vào PDR với tỷ trọng 4,2%, tương đương hơn 7,1 triệu cổ phiếu.

Với FTSE Vietnam ETF, quỹ được dự báo thêm cổ phiếu HSG với tỷ trọng 1,3% (tương đương 3,66 triệu cổ phiếu) và không loại cổ phiếu nào.

Đơn vị phân tích tính toán PDR được mua nhiều và HPG bị bán mạnh nhất trong kỳ cơ cấu sắp tới của 2 quỹ ETF ngoại.

### **Việt Nam tiếp tục thuộc top 10 quốc gia nhận kiều hối nhiều nhất thế giới**

Ngân hàng Thế giới đã điều chỉnh ước tính lượng kiều hối về Việt Nam năm 2020 từ mức 15,7 tỷ USD trong báo cáo hồi tháng 10/2020 lên đến 17,2 tỷ USD, tăng 3% so với 2019.

Với lượng kiều hối đổ về nước tương đương 5% GDP năm 2020, Việt Nam cũng nằm trong top 10 nước có tỷ trọng kiều hối trên GDP cao nhất.

### **Xuất khẩu sắt thép tăng đột biến**

Theo báo cáo của Bộ Công thương, hoạt động sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 4 tháng đầu năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, trong đó, mặt hàng thép cán tăng 61,8%; sắt, thép thô cũng tăng 17,4%.

Về xuất nhập khẩu, sắt thép cũng nằm trong nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm. Đặc biệt, theo báo cáo của Bộ Công thương, trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sắt thép tăng tới 87,9%, đạt 2,7 tỷ USD.

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Hải quan, trong kỳ 2 tháng 4/2021 (từ ngày 16/4 đến ngày 30/4/2021), xuất khẩu sắt thép tăng 173 triệu USD, tương ứng tăng 58,1% so với kỳ 1 tháng 4/2021.

Mới đây, trước tình hình giá thép tăng cao đột biến, Bộ Công Thương cho biết, đang xem xét đề kiến nghị Chính phủ, các cơ quan liên quan ban hành các chính sách kiểm soát xuất khẩu đối với các loại thép trong nước đang có nhu cầu.

Nguồn: NDH, Cafef



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Vinhomes đặt mục lãi sau thuế 35.000 tỷ đồng, chia cổ tức 2020 tỷ lệ 45%**

#### **Lợi nhuận mục tiêu 1,5 tỷ USD**

CTCP Vinhomes (VHM) vừa công bố tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Điểm đáng chú ý nhất là kế hoạch kinh doanh năm nay với mục tiêu doanh thu 90.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 35.000 tỷ đồng (hơn 1,5 tỷ USD).

Năm 2020 Vinhomes đem về hơn 28.200 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

#### **Trả cổ tức tổng tỷ lệ 45%, dự kiến tăng vốn lên gần 43.300 tỷ đồng**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Vinhomes tại thời điểm 31/12/2020 trên báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất lần lượt 21.294 tỷ đồng và 56.259 tỷ đồng. HĐQT Vinhomes trình kế hoạch trích 5.000 tỷ đồng vào Quỹ dự trữ (theo điều lệ).

Chia cổ tức bằng cổ phiếu và tiền mặt cho cổ đông, gồm 15% tiền mặt, tương đương 4.934 tỷ đồng; và 30% bằng cổ phiếu, tương đương phát hành thêm 987 triệu cổ phiếu. Tổng số cổ phần Vinhomes sau khi hoàn thành trả cổ tức 2020 dự kiến 4,446 tỷ đơn vị, vốn điều lệ 43.364 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý 3 và quý 4/2021.

#### **Hòa Phát chốt quyền chia cổ tức và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 40%**

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông báo ngày 1/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức 2020. Theo đó, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5%. Ngày thanh toán 11/6. Tổng số tiền dự chi ra khoảng 1.657 tỷ đồng. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 35%. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm gần 1,16 tỷ cổ phiếu, vốn điều lệ Hòa Phát dự kiến tăng lên 44.726 tỷ đồng.

Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận 90.118 tỷ đồng doanh thu, tăng 41,5%; lãi sau thuế 13.545 tỷ đồng, tăng 80% nhờ mảng kinh doanh thép và nông nghiệp khởi sắc. Với kết quả đó, cổ đông Hòa Phát chốt phương án chia cổ tức tỷ lệ 40%.

Năm 2021, Hòa Phát đặt mục tiêu doanh thu 120.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế mục tiêu đạt 18.000 tỷ đồng, tăng 33% so với thực hiện năm trước. Riêng quý I, tập đoàn đạt 31.177 tỷ đồng doanh thu, tăng 62% và thực hiện 26% kế hoạch năm; 7.006 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước và thực hiện 39% kế hoạch năm.

Nguồn: Cafef, NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	NLG	Chốt lời	18/05/21	36.75	34.95	5.2%	40	14.4%	33.4	-4.4%	Áp lực điều chỉnh mạnh lên
2	BVB	Bán	18/05/21	14.8	14.8	0.0%	17.6	18.9%	14.2	-4.1%	Tín hiệu suy yếu
3	PHR	Bán	18/05/21	50.6	52.2	-3.1%	58	11.1%	49.5	-5.2%	Quay lại xu hướng điều chỉnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	GMD	Quan sát mua	18/05/21	37.5	40   42	Nền bật tăng tốt kèm vol cao trở lại sau nhịp về retest hỗ trợ quanh 36 -> khả năng tiếp tục xu hướng tăng
2	DVN	Quan sát mua	18/05/21	16.4	17.5-18   19	Khả năng đang trong nhịp retest về hỗ trợ sau khi thoát kênh + có nền Doji cạn vol -> cần một nền tảng tốt trở lại vượt 16.7 để xác nhận khả năng tạo đáy
3	TAC	Quan sát mua	18/05/21	58.7	66   70	Nhịp điều chỉnh về đỉnh cũ quanh 58.5 với nền, vol nhỏ dần -> khả năng có thể sớm tăng trở lại

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	85.7	81.5	5.2%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51	49.9	2.2%	55	10.2%	47	-6%	
3	DGC	Nắm giữ	29/04/21	67	60.8	10.2%	71.7	18%	58.2	-4%	
4	MWG	Mua	04/05/21	141.5	140.9	0.4%	172	22%	134.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	STB	Mua	05/05/21	25.95	24.1	7.7%	30	24%	22.9	-5%	
6	IJC	Mua	06/05/21	27.2	26.25	3.6%	32.85	25%	24.8	-6%	
7	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.35	15.5	11.9%	19.3	25%	14.9	-4%	
8	SSI	Mua	13/05/21	35.45	34.8	1.9%	42	21%	33.5	-4%	
9	PLC	Mua	14/05/21	24.5	25.4	-3.5%	30.6	20%	24.1	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 17/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,100	0.0%	214%	28,450	36	85,700	7,161	(939)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	8,080	-2.7%	439%	22,390	49	85,700	1,902	(6,178)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	5,780	2.5%	478%	74,260	128	31,150	453	(5,327)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	410	40,800	9.7%	9851%	2,080	44	61,900	35,967	(4,833)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	10,050	-5.6%	-18711%	19,950	128	61,900	3,845	(6,205)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	26,500	1.5%	-5216%	10,830	49	61,900	21,018	(5,482)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	13,900	-0.6%	-1515%	28,540	50	61,900	10,012	(3,888)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	10,390	-2.0%	-819%	33,140	49	61,900	5,743	(4,647)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	15,700	3.3%	-922%	46,350	84	61,900	10,054	(5,646)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	13,900	0.0%	-686%	23,430	102	61,900	6,009	(7,891)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	6,470	-3.0%	-328%	195,190	87	61,900	729	(5,741)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,820	16.9%	385%	26,520	87	61,900	717	(5,103)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	(3,766)	4,200	-13.4%	-212%	38,610	91	36,500	2,328	(1,872)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	(4,230)	4,640	-9.0%	-210%	25,630	128	36,500	719	(3,921)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	7,700	-6.1%	-264%	15,820	88	36,500	2,781	(4,919)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	17,170	0.1%	-433%	14,190	28	32,900	16,926	(244)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	8,380	-9.9%	-249%	54,470	50	32,900	3,488	(4,892)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	(6,086)	2,780	9.0%	-146%	24,020	87	32,900	39	(2,741)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	(7,014)	4,530	-7.6%	-165%	64,250	128	104,200	373	(4,157)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	4,420	-7.7%	-159%	63,390	128	104,200	118	(4,302)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	9,950	-11.2%	-225%	69,070	88	104,200	2,781	(7,169)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	27,990	-0.4%	-433%	290	44	141,500	22,874	(5,116)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	(8,870)	3,540	-6.4%	-140%	26,680	24	141,500	3,365	(175)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	5,100	-7.3%	-155%	18,280	50	141,500	2,484	(2,616)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	9,190	-6.7%	-194%	17,370	77	141,500	4,413	(4,777)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	(10,262)	5,480	10.3%	-153%	29,690	49	141,500	1,340	(4,140)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	10,800	10.1%	-201%	17,210	(56)	141,500	(75)	(10,875)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	7,990	11.0%	-171%	34,710	102	141,500	1,523	(6,467)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	7,500	3.3%	-164%	89,890	25	137,600	7,446	(54)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	6,060	1.9%	-150%	21,050	128	137,600	3,809	(2,251)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	3,090	-0.6%	-125%	31,590	50	94,000	1,639	(1,451)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	6,400	6.1%	-149%	17,120	77	94,000	2,875	(3,525)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	4,150	1.0%	-131%	9,910	32	94,000	3,070	(1,080)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	4,070	-7.5%	-129%	37,930	50	55,200	1,835	(2,235)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	2,960	-7.5%	-121%	32,470	128	19,600	6	(2,954)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	7,510	-2.0%	-150%	46,310	10	25,950	7,479	(31)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	7,130	-1.8%	-146%	54,210	25	25,950	6,984	(146)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	14,100	-2.8%	-189%	38,940	28	25,950	13,970	(130)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	7,660	-8.8%	-147%	24,540	128	25,950	2,111	(5,549)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	8,500	-6.6%	-151%	16,040	18	25,950	7,969	(531)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	8,400	-6.6%	-149%	69,080	84	25,950	4,019	(4,381)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	11,400	-10.3%	-164%	34,450	102	25,950	3,286	(8,114)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	26,200	-3.0%	-244%	20,220	74	47,850	25,946	(254)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	22,150	-3.3%	-219%	14,040	141	47,850	17,106	(5,044)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	9,300	-8.8%	-149%	45,500	50	47,850	5,978	(3,322)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	10,700	-8.6%	-155%	54,630	84	47,850	6,262	(4,438)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	10,550	-9.4%	-153%	25,970	102	47,850	1,535	(9,015)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	(20,934)	3,030	4.5%	-114%	64,800	91	22,900	146	(2,884)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	3,900	5.4%	-118%	13,660	128	22,900	191	(3,709)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	(21,862)	4,700	0.0%	-121%	21,450	88	22,900	141	(4,559)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	2,700	-11.5%	-112%	103,870	87	22,900	0	(2,700)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	(22,790)	2,360	4.4%	-110%	70,350	25	100,800	1,204	(1,156)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	4,920	9.3%	-121%	24,540	128	100,800	143	(4,777)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	4,820	16.4%	-120%	83,400	50	100,800	1,406	(3,414)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,800	12.0%	-112%	50,520	18	100,800	790	(2,010)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	5,200	15.0%	-121%	108,810	84	100,800	473	(4,727)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	6,400	12.5%	-125%	40,410	88	100,800	192	(6,208)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	(25,574)	5,830	13.2%	-123%	75,040	87	100,800	4	(5,826)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,040	-0.7%	-112%	48,050	25	124,000	1,729	(1,311)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	5,500	4.0%	-121%	46,440	128	124,000	196	(5,304)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	3,900	6.0%	-114%	18,880	18	124,000	2,411	(1,489)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	(27,430)	930	-15.5%	-103%	42,710	25	114,000	155	(775)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	750	-30.6%	-103%	105,810	25	87,200	(0)	(750)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	3,000	-5.1%	-111%	14,980	128	87,200	0	(3,000)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	2,610	-6.8%	-109%	49,870	50	87,200	0	(2,610)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	2,580	-4.4%	-109%	14,960	32	87,200	0	(2,580)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	3,700	-12.1%	-112%	32,870	119	87,200	9	(3,691)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	40,820	2.1%	-235%	17,960	74	65,800	39,913	(907)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	15,800	-2.2%	-152%	9,470	50	65,800	14,454	(1,346)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	15,200	-1.9%	-149%	9,630	18	65,800	15,169	(31)	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	16,840	-0.1%	-153%	29,100	84	65,800	14,740	(2,100)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	13,300	-5.8%	-141%	21,780	102	65,800	5,699	(7,601)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	440	0.0%	-101%	79,040	10	30,700	5	(435)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	900	-13.5%	-103%	56,590	25	30,700	5	(895)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,160	-0.1%	-124%	34,700	74	30,700	3,364	(4,796)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	3,700	6.3%	-111%	31,330	128	30,700	97	(3,603)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,970	1.4%	-109%	45,330	50	30,700	263	(2,707)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	3,300	0.3%	-109%	66,490	84	30,700	131	(3,169)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	4,900	-2.0%	-114%	23,730	88	30,700	66	(4,834)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
<a href="#">TCM</a>	(New)	HOSE	103,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
<a href="#">STK</a>	(New)	HOSE	32,700	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
<a href="#">MSN</a>	(New)	HOSE	104,200	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
<a href="#">NVL</a>	(New)	HOSE	137,600	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
<a href="#">VGG</a>	(New)	UPCOM	41,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
<a href="#">NLG</a>		HOSE	36,750	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
<a href="#">KDH</a>		HOSE	36,500	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
<a href="#">VCB</a>		HOSE	96,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
<a href="#">ACB</a>		HOSE	36,550	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
<a href="#">TCB</a>		HOSE	47,850	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
<a href="#">GEG</a>		HOSE	16,850	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
<a href="#">BMP</a>		HOSE	57,200	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
<a href="#">VNM</a>		HOSE	87,200	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">CTD</a>		HOSE	56,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
<a href="#">DHG</a>		HOSE	96,000	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
<a href="#">PNJ</a>		HOSE	94,000	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
<a href="#">HPG</a>		HOSE	61,900	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FPT</a>		HOSE	85,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
<a href="#">VGS</a>		HNX	21,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
<a href="#">SMC</a>		HOSE	39,500	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
<a href="#">DGW</a>		HOSE	128,800	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
<a href="#">VHC</a>		HOSE	38,000	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
<a href="#">ACV</a>		UPCOM	69,700	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
<a href="#">ANV</a>		HOSE	23,850	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
<a href="#">REE</a>		HOSE	55,200	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
<a href="#">PLX</a>		HOSE	54,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
<a href="#">SBT</a>		HOSE	19,600	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
<a href="#">MPC</a>		UPCOM	35,100	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
<a href="#">FMC</a>		HOSE	32,400	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">GVR</a>		HOSE	25,350	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
<a href="#">QNS</a>		UPCOM	39,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
<a href="#">VRE</a>		HOSE	30,700	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
<a href="#">MWG</a>		HOSE	141,500	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
<a href="#">GAS</a>		HOSE	82,500	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>		HOSE	50,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>		HOSE	37,500	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
<a href="#">TNG</a>		HOSE	20,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>		HOSE	74,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a>		UPCOM	15,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
<a href="#">GTN</a>		HOSE	17,400	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>		HOSE	72,700	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>		HOSE	26,550	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VHM</a>		HOSE	100,800	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
<a href="#">SAB</a>		HOSE	154,500	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
<a href="#">LHG</a>		HOSE	38,700	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>		HOSE	50,600	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
<a href="#">CTR</a>		UPCOM	76,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>		HOSE	12,150	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.